

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 9 - 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị G, sinh năm 1991, địa chỉ: thôn P, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

*- Bị đơn:* Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1990, địa chỉ: thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Ngô Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương lấy nhau có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã Tr) vào ngày 02/10/2017. Sau khi kết hôn và

chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh Q ham chơi, hay rượu chè, không quan tâm đến vợ con, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Không thể chịu đựng được tính cách của anh Q nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng đã ly thân đến nay được khoảng 2 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị G xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 03/5/2018. Hiện tại cháu Anh đang ở với chị. Quan điểm của chị là xin được nuôi con và yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản và công nợ: Chị G xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/6/2020 bị đơn là anh Bùi Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 02/10/2017. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Từ sau khi chị G sinh con được khoảng 02 tháng thì chị G đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Nay chị G yêu cầu ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 03/5/2018. Hiện tại cháu Anh đang ở với chị G. Quan điểm của anh là sau khi ly hôn anh đồng ý để chị G được nuôi con vì hiện tại con đang còn nhỏ, còn anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì điều kiện kinh tế của anh đang khó khăn.

Về tài sản và công nợ: Anh Q xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 26/8/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Anh Bùi Văn Q và chị Ngô Thị G có quan hệ vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Thọ Xuân ngày 02/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đồng Cốc, xã X được một thời gian, đến khoảng tháng 7/2018 chị G bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng thế nào gia đình không báo cáo nên địa phương cũng không nắm bắt được. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 03/5/2018; hiện tại đang ở với chị G.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình, Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn Q. Về con chung: giao cháu Bùi Sỹ A cho chị Ngô Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng; anh Bùi Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Về tài sản và công nợ: không xem xét. Về án phí: Chị Ngô Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Bùi Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị G khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Bùi Văn Q, cư trú tại: thôn Đồng Cốc, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Bùi Văn Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị G và anh Bùi Văn Q tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh (nay là xã Tr ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2017, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, không tin tưởng, tôn trọng và quan tâm đến nhau. Từ khoảng tháng 7 năm 2018 mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng, nên anh chị đã sống ly thân cho đến nay, không còn qua lại quan tâm, tình cảm với nhau. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; tại bản tự khai ngày 10/6/2020 anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, nên anh Q có quan điểm đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị G, xử cho chị Ngô Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị G và anh Bùi Văn Q đều xác định vợ

chồng có 01 (một) con chung là cháu Bùi Sỹ A , sinh ngày 03/5/2018. Hiện tại cháu A đang ở với chị G .

Xét: cháu A là con chung của vợ chồng đang ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi, hiện đang ở ổn định với chị G và được chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay; Quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng có quan điểm đồng ý để cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng con vì hiện con đang còn nhỏ. Do đó, cần giao con chung cho chị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị G yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng; còn anh Q thể hiện quan điểm xin không phải cấp dưỡng vì điều kiện kinh tế của anh đang khó khăn. Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện tại anh Q không có công việc ổn định và không có cơ sở xác định mức thu nhập của anh Q ; chị G yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, như vậy là không phù hợp với khả năng thực tế của anh Q , nên không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên cần buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng nhằm đảm bảo được Q lợi và nhu cầu thiết yếu của con, là phù hợp với quy định tại các Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Ngô Thị G và anh Bùi Văn Q đều xác định không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Bùi Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] Về Q kháng cáo: Các đương sự được Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*1. Về hôn nhân:* Xử cho chị Ngô Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn Q .

*2. Về con chung:* Chị Ngô Thị G và anh Bùi Văn Q có 01 (một) con chung là cháu Bùi Sỹ A , sinh ngày 03/5/2018.

Giao cháu Bùi Sỹ A cho chị Ngô Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Bùi Văn Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Ngô Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007313 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Ngô Thị G đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về Q kháng cáo*: Nguyên đơn, có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Tr ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**